

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 35



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC  
Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức ("Công ty") là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6662/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304803601 ngày 10 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là TDW) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 206/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028. 38960240
- Fax : 028. 38960241

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, hoạt động chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ kế toán này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

#### Họ và tên

Ông Nguyễn Tổng Đăng Khoa  
Ông Nguyễn Hoài Nam  
Ông Huỳnh Tuấn Anh  
Ông Nguyễn Văn Dự  
Ông Lâm Từ Duy  
Ông Lục Chánh Trường  
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình  
Ông Lý Thành Tài

#### Chức vụ

Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (tái nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (tái nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (tái nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (tái nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Ban Kiểm soát**

#### **Họ và tên**

Ông Hoàng Thanh Bình  
Ông Hoàng Ngọc Lâm  
Ông Hoàng Thanh Bình  
Ông Lê Văn Diễn  
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo  
Bà Trần Luyện Như An  
Ông Hoàng Ngọc Lâm

#### **Chức vụ**

Trưởng Ban (bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Trưởng Ban (miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (tái nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)  
Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)

### **Ban Giám đốc**

#### **Họ và tên**

Ông Huỳnh Tuấn Anh  
Ông Lâm Tử Duy  
Ông Nguyễn Công Minh

#### **Chức vụ**

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán này và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Tuấn Anh

Giám đốc

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 7. **Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Ông NGUYỄN TÙNG ĐĂNG KHOA**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2017



Số: 147/2017/BCSX-HCM.00625

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Thủ Đức ("Công ty"), được lập ngày 02 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Thủ Đức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Thủ Đức cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**TRẦN ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2017

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83.313.696.296</b>	<b>77.626.929.513</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>29.375.512.140</b>	<b>11.360.615.058</b>
Tiền	111		29.375.512.140	11.360.615.058
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.441.699.622</b>	<b>12.065.511.818</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.441.699.622	12.065.511.818
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.741.693.216</b>	<b>17.277.150.895</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.347.604.438	10.405.040.143
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	853.278.605	5.831.298.055
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	779.378.483	2.041.312.940
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.238.568.310)	(1.000.500.243)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>12.936.010.906</b>	<b>13.175.560.351</b>
Hàng tồn kho	141		12.969.846.572	13.209.396.017
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.835.666)	(33.835.666)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.818.780.412</b>	<b>23.748.091.391</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	10.433.170.521	12.114.682.741
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.167.462.143	9.950.441.480
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.218.147.748	1.682.967.170
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC  
Số 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>297.664.323.750</b>	<b>288.535.835.820</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>278.220.355.758</b>	<b>276.980.912.185</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	274.710.300.675	272.598.782.250
Nguyên giá	222		627.894.577.326	603.878.180.871
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(353.184.276.651)	(331.279.398.621)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	3.510.055.083	4.382.129.935
Nguyên giá	228		5.444.110.156	5.353.910.156
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.934.055.073)	(971.780.221)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17.523.200.436</b>	<b>9.987.904.886</b>
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	17.523.200.436	9.987.904.886
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.920.767.556</b>	<b>1.567.018.749</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	1.920.767.556	1.567.018.749
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>380.978.020.046</b>	<b>366.162.765.333</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC  
Số 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>250.382.657.671</b>	<b>234.013.775.661</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>129.435.348.385</b>	<b>131.716.329.925</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12.1	66.569.354.467	85.982.161.878
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.469.628.401	1.843.298.044
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	8.021.138.839	7.657.335.759
Phải trả người lao động	314		8.667.688.516	12.413.430.116
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	15.843.288.153	626.714.032
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	7.944.585.745	7.082.330.314
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	16.209.172.527	14.220.299.648
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	4.710.491.737	1.890.760.134
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>120.947.309.286</b>	<b>102.297.445.736</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.12.2	1.877.270.000	1.877.270.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	15.298.296.959	15.722.897.718
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	103.771.742.327	84.697.278.018
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.19	<b>130.595.362.375</b>	<b>132.148.989.672</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>130.595.362.375</b>	<b>132.148.989.672</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.551.994.103	32.066.465.669
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.043.368.272	15.082.524.003
- LNST lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.850.000.000	620.809.728
- LNST kỳ này	421b		9.193.368.272	14.461.714.275
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>380.978.020.046</b>	<b>366.162.765.333</b>

  
NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH  
Người lập biểu

  
NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH  
Kế toán trưởng



  
HUỲNH TUẤN ANH  
Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		338.305.341.784	307.345.481.208
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		223.049.070	77.552.756
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>338.082.292.714</b>	<b>307.267.928.452</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	222.723.105.060	214.915.752.985
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>115.359.187.654</b>	<b>92.352.175.467</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	413.215.196	1.995.851.650
Chi phí tài chính	22	6.4	4.526.739.978	2.446.748.164
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.526.739.978	2.446.748.164
Chi phí bán hàng	24	6.5	77.712.149.854	74.321.374.168
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	21.614.596.384	15.986.640.932
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>11.918.916.634</b>	<b>1.593.263.853</b>
Thu nhập khác	31	6.7	118.198.488	3.104.727.007
Chi phí khác	32		517.104.782	81.258.153
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(398.906.294)</b>	<b>3.023.468.854</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>11.520.010.340</b>	<b>4.616.732.707</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	1.841.113.634	835.791.604
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>9.678.896.706</b>	<b>3.780.941.103</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.139	445



NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH  
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH  
Kế toán trưởng



HUYNH TUẤN ANH  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC  
Số 8 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	11.520.010.340	4.616.732.707
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	27.603.280.825	21.009.275.818
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	238.068.067	141.549.253
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	56.032.721	(1.995.851.650)
Chi phí lãi vay	06	4.526.739.978	2.446.748.164
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>43.944.131.931</b>	<b>26.218.454.292</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	8.111.868.167	(16.331.357.115)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	239.549.445	(1.084.253.208)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.814.937.131	(33.638.697.901)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	1.327.763.413	9.725.496.993
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.060.064.563)	(2.650.634.118)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.620.994.747)	(3.811.557.194)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.462.792.400)	(1.964.795.150)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>47.294.398.377</b>	<b>(23.537.343.401)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(46.869.959.579)	(40.027.927.363)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	3.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(659.548.220)	(19.694.142.605)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	2.283.360.416	45.055.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	846.535.400	3.153.875.297
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(44.399.611.983)</b>	<b>(11.510.194.671)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	27.068.542.149	18.246.305.681
Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.005.204.961)	(5.774.608.671)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.943.226.500)	(6.770.892.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>15.120.110.688</b>	<b>5.700.805.010</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>18.014.897.082</b>	<b>(29.346.733.062)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>11.360.615.058</b>	<b>37.971.957.926</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>29.375.512.140</b>	<b>8.625.224.864</b>



NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH  
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH  
Kế toán trưởng





HUYỄN TUẤN ANH  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2017

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức ("Công ty") là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6662/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304803601 ngày 10 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là TDW) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 206/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại, xây lắp và dịch vụ.

### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, hoạt động chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).

### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 so sánh được với số liệu của kỳ trước.

### **1.6 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 374 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 371 người).

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

## **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là các chi phí liên quan đến chi phí lắp đặt, sửa chữa, thi công hệ thống cấp nước còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Chi phí bảo hiểm nhân thọ và đồng phục nhân viên*

Chi phí bảo hiểm nhân thọ và đồng phục nhân viên được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 2 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

### 4.7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
Máy móc thiết bị	03 – 05 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm (phần mềm máy tính, thiết bị đọc mã vạch và phần mềm kế toán).

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Tiền bản quyền**

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty được áp dụng mức thuế suất là 10% từ năm 2009 đến năm 2021 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2017. Nhưng do Công ty đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra đến kỳ tính thuế năm 2013 và Thanh tra Bộ Tài chính kiểm tra kỳ tính thuế năm 2014 nên không điều chỉnh lại mức thuế suất những năm trước. Do đó, Công ty tiếp tục áp dụng ưu đãi thuế TNDN cho thời gian còn lại: thuế suất thuế TNDN là 10% và giảm 50%.
- Đối với các hoạt động khác, theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng bán nước sạch là 5% và hoạt động khác là 10%.

### *Thuế bảo vệ môi trường*

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động mua, bán nước sạch với mức 10% trên giá bán nước.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

## **4.17 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **4.19 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

1995  
TY  
14/01  
OÁN  
NAM  
5CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	Cùng Tổng công ty
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	9.723.177	23.410.232
Tiền gửi ngân hàng - VND	29.365.788.963	11.337.204.826
	<b>29.375.512.140</b>	<b>11.360.615.058</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.441.699.622	10.441.699.622	12.065.511.818	12.065.511.818
	<b>10.441.699.622</b>	<b>10.441.699.622</b>	<b>12.065.511.818</b>	<b>12.065.511.818</b>

(\*) Số dư tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất từ 6,5%/năm.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	1.239	1.239
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Phải thu các khách hàng tiền nước	8.759.883.145	9.302.612.593
Các khách hàng khác	587.720.054	1.102.426.311
	<b>9.347.604.438</b>	<b>10.405.040.143</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Trả trước người bán bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Cấp Nước	29.209.787	29.209.787
<b>Trả trước người bán khác</b>		
Công ty TNHH XD TM DV Nguyễn Ngọc	-	3.003.737.439
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Phú	-	2.262.559.399
Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Miền Nam	12.441.769	267.523.207
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	550.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác	201.627.049	268.268.223
	<b>853.278.605</b>	<b>5.831.298.055</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên				
Phải thu do chi hộ	111.272.200	-	168.712.301	-
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>				
Tạm ứng nhân viên	179.650.000	-	28.800.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	21.674.078	-	454.994.282	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	400.000.000	-	400.000.000	-
Cho mượn vật tư	30.478.094	-	866.478.094	-
Phải thu khác	36.304.111	-	122.328.263	-
	<b>779.378.483</b>	<b>-</b>	<b>2.041.312.940</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Phải thu thương mại tổ chức và cá nhân khác</b>				
Nợ quá hạn				
trên 6 tháng đến dưới 1 năm	805.654.281	563.957.997	921.527.367	645.069.154
Nợ quá hạn				
trên 1 năm đến dưới 2 năm	843.455.890	421.727.944	570.343.120	285.171.559
Nợ quá hạn				
trên 2 năm đến dưới 3 năm	493.463.358	148.039.006	541.104.273	162.331.282
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	229.719.728	-	60.097.478	-
	<b>2.372.293.257</b>	<b>1.133.724.947</b>	<b>2.093.072.238</b>	<b>1.092.571.995</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu thương mại như sau:

	<b>Nợ phải thu thương mại VND</b>
Tại ngày 01/01/2016	(2.874.350.936)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(75.632.365)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	2.306.860.048
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>(643.123.253)</b>
Tại ngày 01/07/2016	(643.123.253)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(357.376.990)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>(1.000.500.243)</b>
Tại ngày 01/01/2017	(1.000.500.243)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(238.068.067)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>(1.238.568.310)</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.077.148.105	(33.835.666)	10.205.878.025	(33.835.666)
Công cụ, dụng cụ	45.015.000	-	284.168.092	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	1.847.683.467	-	2.719.349.900	-
	<b>12.969.846.572</b>	<b>(33.835.666)</b>	<b>13.209.396.017</b>	<b>(33.835.666)</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	2.374.200.000	3.034.200.000
Chi phí gắn đồng hồ nước	-	2.142.663.820
Chi phí trả trước ngắn hạn khác (*)	8.058.970.521	6.937.818.921
	<b>10.433.170.521</b>	<b>12.114.682.741</b>

(\*) Trong chi phí trả trước ngắn hạn khác bao gồm số tiền 7.965.408.471 VND là phần còn lại của giá vốn nước sạch kỳ 06/2017 do còn chênh lệch lịch đọc số giữa đồng hồ tổng và đồng hồ khách hàng. Công ty đang điều chỉnh dần để đưa về cùng kỳ, dự kiến đến cuối năm 2017 sẽ điều chỉnh xong.

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	<b>1.920.767.556</b>	<b>1.567.018.749</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2017	2.484.324.291	20.764.585.765	577.836.558.434	2.792.712.381	603.878.180.871
Mua trong kỳ	-	408.000.000	-	602.218.848	1.010.218.848
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			28.211.553.467	-	28.211.553.467
Giảm khác	-	-	(5.205.375.860)	-	(5.205.375.860)
Vào ngày 30/06/2017	2.484.324.291	21.172.585.765	600.842.736.041	3.394.931.229	<b>627.894.577.326</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2017	1.997.715.309	7.716.766.987	319.732.208.731	1.832.707.594	331.279.398.621
Khấu hao trong kỳ	57.741.642	1.819.468.065	24.458.796.825	304.999.441	26.641.005.973
Giảm khác	-	-	(4.736.127.943)	-	(4.736.127.943)
Vào ngày 30/06/2017	2.055.456.951	9.536.235.052	339.454.877.613	2.137.707.035	<b>353.184.276.651</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2017	486.608.982	13.047.818.778	258.104.349.703	960.004.787	272.598.782.250
Vào ngày 30/06/2017	428.867.340	11.636.350.713	261.387.858.428	1.257.224.194	<b>274.710.300.675</b>

*Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:*

Vào ngày 01/01/2017	397.112.000	2.695.017.132	147.991.978.423	49.909.091	151.134.016.646
Vào ngày 30/06/2017	397.112.000	3.137.971.620	152.233.339.487	49.909.091	155.818.332.198

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị còn lại của phương tiện truyền dẫn (mạng lưới cấp nước) dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 93.637.574.714 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 108.089.301.833 VND) – Xem thêm mục 5.17.

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2017	5.353.910.156
Mua trong kỳ	90.200.000
Tại ngày 30/06/2017	<b>5.444.110.156</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2017	971.780.221
Khấu hao trong kỳ	962.274.852
Tại ngày 30/06/2017	<b>1.934.055.073</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2017	4.382.129.935
Tại ngày 30/06/2017	<b>3.510.055.083</b>

*Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:*

Tại ngày 01/01/2017	413.390.510
Tại ngày 30/06/2017	413.390.510

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2017 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ VND	Kết chuyển giảm khác VND	30/06/2017 VND
Mua sắm tài sản cố định	800.000	-	-	-	800.000
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Công trình phát triển mạng lưới cấp nước	3.905.854.648	13.658.007.744	(12.308.760.342)	(3.274.545)	5.251.827.505
- Sửa chữa ống mục	6.081.250.238	22.092.115.818	(15.902.793.125)	-	12.270.572.931
	<b>9.987.904.886</b>	<b>35.750.123.562</b>	<b>(28.211.553.467)</b>	<b>(3.274.545)</b>	<b>17.523.200.436</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn****5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	43.755.760.297	47.311.856.329
Công ty Cổ phần Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	3.065.994.417	3.504.500.174
Công ty Công trình Giao thông Công Chính	44.140.753	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Đạt Đức	2.301.075.260	11.290.464.454
Công ty Cổ phần Thiên Đại Phát	6.149.132.137	3.658.165.616
Các nhà cung cấp khác	11.253.251.603	20.217.175.305
	<b>66.569.354.467</b>	<b>85.982.161.878</b>

**5.12.2 Phải trả người bán dài hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	1.877.270.000	1.877.270.000
	<b>1.877.270.000</b>	<b>1.877.270.000</b>

**5.12.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Người mua trả tiền trước khác</b>		
Người mua trả tiền trước là phí gán đồng hồ nước chi tiết như sau:		
Công ty TNHH MTV An Phú	-	429.989.005
Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị Số 2	127.754	211.728.364
Ban Quản lý Đầu tư Quận 9	74.287.443	74.287.443
Ban Quản lý dự án 1547	95.316.680	-
Các khách hàng khác	1.299.896.524	1.127.293.232
	<b>1.469.628.401</b>	<b>1.843.298.044</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.218.147.748	-	-	1.218.147.748
Thuế thu nhập cá nhân	464.819.422	953.544.159	(488.724.737)	-
	<b>1.682.967.170</b>	<b>947.234.004</b>	<b>(488.724.737)</b>	<b>1.218.147.748</b>
<b>b) Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.235.275.261	1.841.113.634	(2.620.994.747)	1.455.394.148
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.497.813	-	15.497.813
Các loại phí, lệ phí khác	5.422.060.498	30.568.946.008	(29.440.759.628)	6.550.246.878
	<b>7.657.335.759</b>	<b>32.425.557.455</b>	<b>(32.061.754.375)</b>	<b>8.021.138.839</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	182.276.330	155.603.374
Chi phí thay đồng hồ nước	2.605.974.000	-
Chi phí thuê ngoài gắn đồng hồ nước	2.192.293.064	-
Chi phí thuê tài sản	6.207.024.675	-
Chi phí phải trả khác	4.655.720.084	471.110.658
	<b>15.843.288.153</b>	<b>626.714.032</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	457.640.265	-
<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	111.181.308	69.095.423
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.789.992.133	6.140.556.985
Phải trả chi phí cho đội thi công công trình	31.567.376	31.567.376
Phải trả cổ tức	214.531.870	207.758.370
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	309.081.948	552.473.889
Phải trả khác	30.590.845	80.878.271
	<b>7.944.585.745</b>	<b>7.082.330.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.16.2 Phải trả dài hạn khác**

		30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>			
Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 2	(*)	13.546.336.211	13.546.336.211
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	(*)	1.001.126.841	1.001.126.841
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công Nghệ Cao	(*)	326.233.149	326.233.149
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1		424.600.758	849.201.517
		<b>15.298.296.959</b>	<b>15.722.897.718</b>

(\*) Số tiền nhận từ việc bồi thường di dời tuyến ống cấp nước và sẽ được ghi tăng thu nhập khác khi hoàn tất hồ sơ bàn giao mặt bằng.

**5.16.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**5.17 Vay ngắn hạn, dài hạn****5.17.1 Vay ngắn hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>				
<b>Vay dài hạn đến hạn trả cho bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên (*)	5.947.079.527	5.947.079.527	6.157.263.648	6.157.263.648
<b>Vay dài hạn đến hạn trả cho các tổ chức khác</b>				
Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn (*)	8.118.275.000	8.118.275.000	7.796.036.000	7.796.036.000
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần (*)	1.193.474.000	1.193.474.000	128.414.000	128.414.000
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức (*)	950.344.000	950.344.000	138.586.000	138.586.000
	<b>16.209.172.527</b>	<b>16.209.172.527</b>	<b>14.220.299.648</b>	<b>14.220.299.648</b>

(\*) Đây là số dư các khoản vay dài hạn tại mục 5.17.2 nhưng sẽ đến hạn trả trong 12 tháng tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.17.2 Vay dài hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên <i>Xem thêm thuyết minh 5.17.1</i>	11.100.410.129	11.100.410.129	13.098.334.969	13.098.334.969
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>				
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn <i>Xem thêm thuyết minh 5.17.1</i>	61.032.079.132	61.032.079.132	62.253.800.571	62.253.800.571
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần <i>Xem thêm thuyết minh 5.17.1</i>	17.977.766.464	17.977.766.464	4.494.560.605	4.494.560.605
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức <i>Xem thêm thuyết minh 5.17.1</i>	13.661.486.602	13.661.486.602	4.850.581.873	4.850.581.873
	<b>103.771.742.327</b>	<b>103.771.742.327</b>	<b>84.697.278.018</b>	<b>84.697.278.018</b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:**

	01/01/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	30/06/2017 VND
Vay dài hạn bên liên quan	13.098.334.969	-	(1.997.924.840)	11.100.410.129
Vay dài hạn ngân hàng	71.598.943.049	27.068.542.149	(5.996.153.000)	92.671.332.198
	<b>84.697.278.018</b>	<b>27.068.542.149</b>	<b>(7.994.077.840)</b>	<b>103.771.742.327</b>

**Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn như sau:**

(a) Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo nhiều hợp đồng vay chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
Thời hạn vay	: 10 năm.
Lãi suất vay	: Từ 5,4%/năm đến 11,4%/ năm.
Hình thức đảm bảo	: Bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

- (b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201501035/HĐTĐ ngày 16 tháng 11 năm 2015 được chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước.
Thời hạn vay	: 10 năm.
Lãi suất vay	: áp dụng mức lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/lần hoặc khi có biến động lãi suất cho vay trên thị trường theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và Agribank. Lãi suất cho vay bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 4 Ngân hàng: Agribank, Vietcombank, Vietinbank, BIDV tại thời điểm điều chỉnh cộng 1,4%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
Hạn mức vay	: 85.000.000.000 VND.

- (c) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần theo hợp đồng vay số 0035/TD8/16CD ngày 14 tháng 12 năm 2016 được chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến đầu tư thực hiện dự án; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp theo quyết định đầu tư đối với dự án.
Thời hạn vay	: 10 năm.
Lãi suất vay	: Lãi suất cố định áp dụng năm đầu tiên là 7,5%/năm. Sau 1 năm, áp dụng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng (Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) cộng 1,4%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Không yêu cầu.
Hạn mức vay	: 46.646.000.000 VND.

- (d) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng vay số 0038/042/16/246 ngày 11 tháng 11 năm 2016 được chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến đầu tư thực hiện dự án; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp theo quyết định đầu tư đối với dự án.
Thời hạn vay	: 10 năm.
Lãi suất vay	: Lãi suất cố định áp dụng năm đầu tiên là 7,5%/năm. Sau 1 năm, áp dụng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng (Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) cộng 1,4%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Không yêu cầu.
Hạn mức vay	: 27.712.000.000 VND.

**5.17.3 Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2017 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2017 VND
Quỹ khen thưởng	814.545.108	3.500.000.000	(1.229.300.000)	3.085.245.108
Quỹ phúc lợi	1.076.215.026	1.282.524.003	(733.492.400)	1.625.246.629
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	(500.000.000)	-
	<b>1.890.760.134</b>	<b>5.282.524.003</b>	<b>(2.462.792.400)</b>	<b>4.710.491.737</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")****5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2016	85.000.000.000	31.898.951.368	42.000.695.740	158.899.647.108
Lãi trong kỳ	-	-	3.780.941.103	3.780.941.103
Thuế TNDN được miễn giảm	-	103.194.938	(103.194.938)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.829.886.012)	(4.829.886.012)
Chia cổ tức	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Số dư 30/06/2016	85.000.000.000	32.002.146.306	20.448.555.893	<b>137.450.702.199</b>
Số dư 01/07/2016	85.000.000.000	32.002.146.306	20.448.555.893	137.450.702.199
Lãi trong kỳ	-	-	10.848.287.473	10.848.287.473
Thuế TNDN được miễn giảm	-	64.319.363	(64.319.363)	-
Chia cổ tức	-	-	(16.150.000.000)	(16.150.000.000)
Số dư 31/12/2016	85.000.000.000	32.066.465.669	15.082.524.003	<b>132.148.989.672</b>
Số dư 01/01/2017	85.000.000.000	32.066.465.669	15.082.524.003	132.148.989.672
Lãi trong kỳ	-	-	9.678.896.706	9.678.896.706
Thuế TNDN được miễn giảm	-	485.528.434	(485.528.434)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(5.282.524.003)	(5.282.524.003)
Chia cổ tức (*)	-	-	(5.950.000.000)	(5.950.000.000)
Số dư 30/06/2017	85.000.000.000	32.551.994.103	13.043.368.272	<b>130.595.362.375</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017.

**5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH một thành viên	43.350.000.000	51,00	43.350.000.000	51,00
Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh	37.547.200.000	44,17	37.547.200.000	44,17
Cổ đông khác	4.102.800.000	4,83	4.102.800.000	4,83
	<b>85.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**5.19.3 Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****5.20.1 Tài sản thuê ngoài**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Giá trị tài sản thuê	79.359.984.071	79.359.948.071

Công ty thuê mạng lưới cấp nước của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên thuê theo hợp đồng thuê số 3065/HĐ-TCT-KTTC ngày 09 tháng 6 năm 2017. Thời hạn thuê là 1 năm.

**5.20.2 Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND	Nguyên nhân xóa số
<b>Phải thu thương mại</b>			
Các khách hàng mua nước sạch	2.174.080.816	2.218.717.386	Không thể thu hồi
Gắn đồng hồ nước trả góp	46.995.022	46.995.022	Không thể thu hồi
	<u>2.221.075.838</u>	<u>2.265.712.408</u>	

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a) Doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp nước sạch	334.080.956.678	303.051.855.678
Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước và dịch vụ	4.224.385.106	4.293.625.530
	<u>338.305.341.784</u>	<u>307.345.481.208</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	(56.741.600)	(38.169.893)
Hàng bán bị trả lại	(166.307.470)	(39.382.863)
	<u>(223.049.070)</u>	<u>(77.552.756)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>338.082.292.714</u>	<u>307.267.928.452</u>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	219.917.682.858	213.512.862.803
Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước và dịch vụ	2.805.422.202	1.402.890.182
	<u>222.723.105.060</u>	<u>214.915.752.985</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	<u>413.215.196</u>	<u>1.995.851.650</u>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	<u>4.526.739.978</u>	<u>2.446.748.164</u>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	22.933.484.511	20.124.323.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.281.727.221	20.623.938.754
Chi phí gần đồng hồ nước miễn phí	13.833.399.826	23.505.025.607
Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ	4.317.100.895	2.081.274.752
Chi phí thuê tài sản cố định	6.207.024.675	5.309.763.700
Chi phí bán hàng khác	4.139.412.726	2.677.047.766
	<u>77.712.149.854</u>	<u>74.321.374.168</u>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.254.629.950	8.961.816.411
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.359.966.434	7.024.824.521
	<u>21.614.596.384</u>	<u>15.986.640.932</u>

**6.7 Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu bồi thường di dời tuyến ống	-	1.677.483.934
Thu nhập từ truy thu tiền nước	-	1.338.637.694
Thu nhập từ kiểm định đồng hồ nước	59.470.965	23.983.676
Thu nhập khác	58.727.523	64.621.703
	<u>118.198.488</u>	<u>3.104.727.007</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	11.520.010.340	4.616.732.707
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	113.200.000	78.200.000
<b>Thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>11.633.210.340</b>	<b>4.694.932.707</b>
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất ưu đãi (10%*50%)	3.236.856.230	687.966.253
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất phổ thông (20%)	8.396.354.110	4.006.966.454
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.841.113.634</b>	<b>835.791.604</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

		6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	9.678.896.706	3.780.941.103
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	9.678.896.706	3.780.941.103
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	8.500.000	8.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	1.139	445

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Giá vốn nước sạch	219.917.682.858	213.512.862.803
Chi phí nguyên vật liệu	17.621.508.277	15.971.363.630
Chi phí nhân công	30.296.594.461	27.179.040.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.603.280.825	21.009.275.818
Chi phí khác	26.610.784.877	27.551.225.834
	<b>322.049.851.298</b>	<b>305.223.768.085</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	27.068.542.149	18.246.305.681
	<b>27.068.542.149</b>	<b>18.246.305.681</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.005.204.961	5.774.608.671
	<b>6.005.204.961</b>	<b>5.774.608.671</b>

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập	<b>1.827.854.476</b>	<b>2.068.039.908</b>

**8.2 Thông tin về các bên liên quan**

Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh tại 5.4, 5.5, 5.12, 5.16 và 5.17) như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên		
• Mua sỉ nước sạch	220.945.272.408	213.512.862.803
• Mua vật tư	2.455.252.000	1.211.490.000
• Thuê tài sản	6.207.024.675	5.309.763.700
• Chi phí lãi vay	954.574.482	1.385.737.087
• Chia cổ tức	3.034.500.000	3.468.000.000
• Cung cấp dịch vụ	-	588.761.817
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước		
• Mua vật tư	404.369.793	419.804.130

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty. Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính, thu nhập khác, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**8.3 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau :

	Cung cấp nước sạch VND	Gắn đồng hồ nước và dịch vụ khác VND	Cộng VND
<b>6 tháng đầu năm 2017</b>			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	333.857.907.608	4.224.385.106	338.082.292.714
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	333.857.907.608	4.224.385.106	338.082.292.714
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(219.917.682.858)	(2.805.422.202)	(222.723.105.060)
Lãi gộp theo bộ phận	113.940.224.750	1.418.962.904	115.359.187.654
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(99.326.746.238)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			16.032.441.416
Doanh thu hoạt động tài chính			413.215.196
Chi phí hoạt động tài chính			(4.526.739.978)
Thu nhập khác			118.198.488
Chi phí khác			(517.104.782)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.841.113.634)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<b>9.678.896.706</b>
<b>6 tháng đầu năm 2016</b>			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	302.984.366.260	4.283.562.192	307.267.928.452
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	302.984.366.260	4.283.562.192	307.267.928.452
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(213.512.862.803)	(1.402.890.182)	(214.915.752.985)
Lãi gộp theo bộ phận	89.471.503.457	2.880.672.010	92.352.175.467
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(90.308.015.100)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.044.160.367
Doanh thu hoạt động tài chính			1.995.851.650
Chi phí hoạt động tài chính			(2.446.748.164)
Thu nhập khác			3.104.727.007
Chi phí khác			(81.258.153)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(835.791.604)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<b>3.780.941.103</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

---

## **8.4 Công cụ tài chính**

### ***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính***

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi của giá thị trường do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch cho các khu vực đã được phân công theo sự chỉ đạo của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, chi phí hoạt động của Công ty chủ yếu là giá mua sỉ nước sạch từ Tổng Công ty. Công ty chỉ vay dài hạn từ Tổng Công ty theo các hợp đồng vay có thời hạn 10 năm với lãi suất cố định và các giao dịch của Công ty không liên quan đến ngoại tệ.

### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.6.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**8.4 Công cụ tài chính (tiếp theo)****iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</b>			
Các khoản vay	16.209.172.527	103.771.742.327	119.980.914.854
Phải trả người bán	66.569.354.467	1.877.270.000	68.446.624.467
Chi phí phải trả	15.843.288.153	-	15.843.288.153
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.309.790.619	15.298.296.959	22.608.087.578
	<b>105.931.605.766</b>	<b>120.947.309.286</b>	<b>226.878.915.052</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2017</b>			
Các khoản vay	14.220.299.648	84.697.278.018	98.917.577.666
Phải trả người bán	85.982.161.878	1.877.270.000	87.859.431.878
Chi phí phải trả	626.714.032	-	626.714.032
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.253.002.632	15.722.897.018	21.975.900.350
	<b>107.082.178.190</b>	<b>102.297.445.036</b>	<b>209.379.623.926</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017:

- Công ty đang thế chấp mạng lưới cấp nước (hình thành từ vốn vay) cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn để đảm bảo cho khoản vay; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**iv. Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	9.347.604.438	10.405.040.143	8.109.036.128	9.404.539.900
Các khoản phải thu khác	599.728.483	2.012.512.940	599.728.483	2.012.512.940
Đầu tư nắm giữ đến ngày đ đáo hạn	10.441.699.622	12.065.511.818	10.441.699.622	12.065.511.818
Tiền và các khoảng tương đương tiền	29.375.512.140	11.360.615.058	29.375.512.140	11.360.615.058
	<b>49.764.544.683</b>	<b>35.843.679.959</b>	<b>48.525.976.373</b>	<b>34.843.179.716</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

**8.4 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	119.980.914.854	98.917.577.666	119.980.914.854	98.917.577.666
Phải trả người bán	68.446.624.467	87.859.431.878	68.446.624.467	87.859.431.878
Chi phí phải trả	15.843.288.153	626.714.032	15.843.288.153	626.714.032
Các khoản phải trả khác	22.608.087.578	21.975.900.350	22.608.087.578	21.975.900.350
	<b>226.878.915.052</b>	<b>209.379.623.926</b>	<b>226.878.915.052</b>	<b>209.379.623.926</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**8.6 Thông tin khác**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền 46.121.652.089 VND. Tuy nhiên, các khoản nợ ngắn hạn tại ngày này chủ yếu là khoản nợ do mua sỉ nước sạch, vật tư, tài sản cố định từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên với số tiền là 43.755.760.297 VND và khoản vay dài hạn đến hạn trả với số tiền là 5.947.079.527 VND. Ban giám đốc Công ty xác định đây là các khoản nợ phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.



**NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH**  
Người lập



**NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH**  
Kế toán trưởng




**HUỲNH TUẤN ANH**  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo Phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị Tính: Đồng Việt nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
<b><u>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u></b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		387.523.637.609	341.645.359.604
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(264.882.762.032)	(288.085.903.631)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.738.366.816)	(34.256.245.709)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.060.064.563)	(2.413.968.749)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.620.994.747)	(3.811.557.194)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.869.324.979	6.112.665.339
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(42.796.376.053)	(42.727.693.061)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</i>	<b>20</b>		<b>47.294.398.377</b>	<b>(23.537.343.401)</b>
<b><u>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u></b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(46.869.959.579)	(40.027.927.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			3.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(659.548.220)	(19.694.142.605)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.283.360.416	45.055.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		846.535.400	3.153.875.297
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>		<b>(44.399.611.983)</b>	<b>(11.510.194.671)</b>
<b><u>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</u></b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		27.068.542.149	18.246.305.681
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.005.204.961)	(5.774.608.671)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.943.226.500)	(6.770.892.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>15.120.110.688</b>	<b>5.700.805.010</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>18.014.897.082</b>	<b>(29.346.733.062)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>11.360.615.058</b>	<b>37.971.957.926</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>29.375.512.140</b>	<b>8.625.224.864</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Lãnh

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

Huyền Tuấn Anh

